

Số: 54 /NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 10 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch tỉnh Bình Thuận
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 17 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 348/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 3627/BC-HĐTĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 về Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Báo cáo ĐMC của Quy hoạch;

Xét Tờ trình số 3663/TTr-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra số 119/BC-HĐND ngày 06 tháng 10 năm 2023 của

Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch tỉnh) với những nội dung chủ yếu sau:

I. Phạm vi, ranh giới quy hoạch

Phạm vi lập Quy hoạch tỉnh Bình Thuận bao gồm toàn bộ tỉnh Bình Thuận với tổng diện tích tự nhiên 7.943,93 km² và diện tích vùng biển đưa vào nghiên cứu quy hoạch là 20.288 km², bao gồm mặt biển, cột nước biển từ mặt biển đến đáy biển, trên mặt đáy biển và trong lòng đất dưới đáy biển thuộc nội thủy và vùng biển tỉnh được giao quản lý; trên phạm vi 10 đơn vị hành chính: 01 Thành phố (Phan Thiết); 01 Thị xã (La Gi) và 07 huyện (Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Tánh Linh, Đức Linh, Hàm Tân) và 01 huyện đảo (Phú Quý).

II. Quan điểm, tầm nhìn, mục tiêu phát triển và các đột phá phát triển

1. Quan điểm phát triển

(1). Phát triển nhanh và bền vững dựa trên cơ sở đổi mới sáng tạo làm chủ công nghệ, chuyển đổi số và chủ động, tích cực hội nhập, đa dạng hóa thị trường.

(2). Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; hướng tới nâng cao chất lượng đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của nhân dân.

(3). Phát huy tối đa lợi thế của các địa phương; phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

(4). Chủ động gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

(5). Tổ chức lãnh thổ nội tỉnh phải tạo ra và mở rộng không gian phát triển mới, đảm bảo phù hợp với xu thế tổ chức sản xuất mới, xu thế đô thị hóa và phát huy được những lợi thế của tỉnh, hướng tới tạo sự bình đẳng về cơ hội phát triển cho mọi người dân; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của các vùng (tiểu vùng), các địa phương, tạo ra các động lực mới, bền vững cho sự phát triển của tỉnh.

(6). Khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất; bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học để bảo đảm sự phát triển bền vững.

(7). Khai thông, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, kiên quyết không đầu tư dàn trải. Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng cho phát triển kinh tế biển, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và hạ tầng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, hạ tầng thủy lợi và bảo vệ nguồn nước phù hợp với định hướng phát triển và kết hợp chặt chẽ với bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Tầm nhìn phát triển đến năm 2050

Đến năm 2050, Bình Thuận trở thành cực phát triển quan trọng của khu vực Nam Trung bộ có kinh tế biển phát triển mạnh, bền vững, là trung tâm năng lượng sạch, trung tâm cung cấp dịch vụ du lịch quốc gia và quốc tế, y tế, giáo dục chất lượng cao; trung tâm khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng và quốc gia gắn với các đô thị biển hiện đại.

3. Mục tiêu phát triển

3.1. Mục tiêu tổng quát

Không ngừng nâng cao đời sống và phúc lợi xã hội cho người dân, hướng tới phát triển bền vững bao trùm, đảm bảo mọi người dân dễ dàng tiếp cận các cơ hội phát triển và hưởng thụ thành quả của quá trình phát triển. Đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Huy động và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực; phát triển toàn diện trên cơ sở tạo lập một hệ sinh thái phát triển hiện đại và bền vững; phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo thúc đẩy tăng trưởng xanh, hình thành nền kinh tế ít chất thải, trọng tâm là phát triển 03 trụ cột: (1) Công nghiệp với nòng cốt là công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp công nghệ cao được tổ chức thành các cụm liên ngành; (2) Dịch vụ với các loại hình du lịch, dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng, chăm sóc sức khỏe, vui chơi giải trí; thể thao; du lịch nông nghiệp, dịch vụ đào tạo và nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học công nghệ; dịch vụ logistics; (3) Nông nghiệp, với trọng tâm là nông nghiệp sinh thái, ứng dụng công nghệ cao với những chuỗi sản xuất nông - công nghiệp chế biến. Phân đầu thu nhập bình quân đầu người (GRDP) cao hơn vùng và cả nước. Quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

3.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

(1). Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 7,5-8,0%, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng 11-12%/năm; dịch vụ tăng 7,0-7,5%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,5-3,0%/năm. Cơ cấu kinh tế: ngành công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 44-48%; ngành dịch vụ chiếm 31-34%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 15-16%; thuế sản phẩm 5-6% trong GRDP của tỉnh. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP của tỉnh đạt khoảng 18-20%. Kinh tế số chiếm tỷ trọng khoảng 30% - 35% trong GRDP của tỉnh. GRDP bình quân/người đạt khoảng 7.800-8.000 USD. Đóng góp của nhân tố TFP vào tăng trưởng kinh tế đến năm 2030 khoảng 50%. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2021-2030 đạt khoảng 6,0-7,0%/năm. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân 9,0-10%/năm giai đoạn 2021-2030. Thu hút vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khoảng 36-38% so với GRDP giai đoạn 2011-2020. Thu hút khách du lịch đến năm 2030 đạt 16 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế chiếm 15-20%. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt khoảng 50,8%.

(2). Về xã hội: Duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên ở mức 0,8%/năm thời kỳ

2021-2030. Đến năm 2030, tuổi thọ bình quân đạt 76,5 tuổi. Thu nhập bình quân đầu người tăng gấp 2,7-3,5 lần so với năm 2020. Giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 0,4 - 0,6%/năm. Tỷ trọng lao động trong ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 29,4%; công nghiệp - xây dựng 30,8%; dịch vụ 39,7%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 80% (trong đó lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ là 39-40%). Tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đạt khoảng trên 60%, tương tự, cấp tiểu học đạt khoảng 80%; cấp trung học cơ sở đạt khoảng 70%; cấp trung học phổ thông đạt khoảng 65%. Số bác sỹ/10.000 dân đạt 10-10,5. Giường bệnh/vạn dân đạt 32 giường. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% năm 2030; Tỷ lệ lao động tham gia bảo hiểm xã hội so với lực lượng lao động trong độ tuổi đạt khoảng 50-55% vào năm 2030. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi còn dưới 4,5%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới đạt khoảng 95%, trong đó có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có ít nhất 7 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

(3). Về sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường: Đến năm 2030, giảm 13% lượng khí thải từ các nhà máy nhiệt điện; không để xảy ra các điểm nóng về môi trường; duy trì tỷ lệ 100% dân số được cấp nước đủ cho nhu cầu sinh hoạt, 95% nhu cầu nước cho các ngành kinh tế - xã hội; 100% chất thải rắn phát sinh tại các đô thị được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, trong đó 80% chất thải rắn xây dựng phát sinh được tái sử dụng hoặc tái chế. Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường là 100%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đến năm 2025 đạt 100%. Duy trì tỷ lệ che phủ rừng đạt 43% trong cả giai đoạn 2021 - 2030.

(4) Về phát triển kết cấu hạ tầng: Tập trung đầu tư hệ thống giao thông kết nối liên vùng, liên tỉnh; nâng cấp, mở rộng hệ thống quốc lộ và đường tỉnh trên địa bàn đạt tiêu chuẩn tối thiểu cấp III; phát triển hệ thống đường sắt; mở rộng, nâng cấp cảng biển Vĩnh Tân; đầu tư xây dựng mới cảng Sơn Mỹ, nâng cấp các cảng Phú Quý, Phan Thiết; Xây dựng hoàn thiện và đưa vào sử dụng cảng hàng không Phan Thiết đạt cấp 4E, công suất đạt 2 triệu hành khách/năm; Phát triển, nâng tổng công suất của các nguồn điện đến năm 2030 đạt khoảng 13,02 GW; phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi, trong đó: 85% diện tích lúa 2 vụ tại các vùng có điều kiện thuận lợi về nguồn nước và 75-85% diện tích lúa 2 vụ tại các vùng khó khăn về nguồn nước được tưới nước chủ động, 25% diện tích cây trồng cạn được tưới nước; 100% các khu dân cư, khu đô thị, khu du lịch, các tuyến đường xây dựng mới ở đô thị thực hiện ngầm hóa mạng cáp viễn thông, mạng lưới điện hạ thế, trung thế.

(5). Về đảm bảo quốc phòng, an ninh: Tăng cường quản lý về quốc phòng, an ninh; đảm bảo xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

4. Các đột phá phát triển

Đổi mới tư duy phát triển, chủ động, sáng tạo trong quản lý. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, xây dựng và thực hiện các cơ chế, chính sách (hoàn thiện thể chế) tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư kinh doanh, liên kết, hợp tác, phát triển. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Phát triển, nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, phát triển kinh tế - xã hội. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực phát triển. Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả đầu tư công và thu hút nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Ưu tiên phát triển 03 trụ cột: công nghiệp (nòng cốt là công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo); dịch vụ, du lịch và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

III. Định hướng phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng và tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

1. Định hướng về phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.1. Công nghiệp và xây dựng

Tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp tạo động lực chuyển đổi cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng nâng cao năng suất và hiệu quả; giảm dần tỷ trọng ngành công nghiệp khai khoáng, đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, đặc biệt là chế biến nông, lâm, thủy sản và sản phẩm công nghệ cao; đẩy mạnh phát triển công nghiệp năng lượng để Bình Thuận sớm trở thành trung tâm năng lượng lớn của quốc gia.

Tổ chức không gian công nghiệp theo các vùng chức năng công nghiệp; phát triển một số khu, cụm công nghiệp mới theo hướng kết hợp công nghiệp - dịch vụ - đô thị gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Phát triển ngành xây dựng đủ mạnh theo hướng hiện đại hóa nhằm giải quyết cơ bản nhu cầu về nhà ở cho người dân và đảm bảo thực hiện được những công trình, dự án lớn để đáp ứng nhu cầu xây dựng trong tỉnh, tiến tới tham gia các hoạt động xây dựng ngoài tỉnh và hợp tác quốc tế.

1.2. Nông, lâm nghiệp, thủy sản

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, đảm bảo về môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Mở rộng diện tích, quản lý chặt chẽ quỹ đất sản xuất nông nghiệp và nâng cao hiệu quả sử dụng đất sản xuất nông nghiệp.

1.3. Dịch vụ

Phát triển dịch vụ du lịch, thương mại và logistics trở thành một ngành kinh tế quan trọng của tỉnh và trở thành một trong những điểm đến hàng đầu của cả nước, khu vực và quốc tế.

1.4. Kinh tế biển

Tập trung xây dựng Bình Thuận có nền kinh tế mạnh về biển của vùng duyên hải Nam Trung Bộ; bảo đảm phát triển bền vững kinh tế biển và có đóng góp quan trọng vào kinh tế của tỉnh; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, sự cố môi trường; ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại trong phát triển bền vững kinh tế biển.

2. Định hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực khác

2.1. Ngành công nghiệp khai khoáng

Phát triển hợp lý công nghiệp khai khoáng theo hướng bền vững, đảm bảo môi trường sinh thái, tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn nước, xử lý nước thải, khói bụi; đảm bảo cảnh quan thiên nhiên được phục hồi sau khai thác. Khuyến khích thu hút các dự án đầu tư chế biến sâu khoáng sản, công nghệ hiện đại, bảo đảm về môi trường, nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến, tăng giá trị xuất khẩu; từng bước chấm dứt việc khai thác, tiêu thụ sản phẩm thô.

2.2. Giáo dục và đào tạo

Xây dựng ngành giáo dục mở, hiện đại và hội nhập, đảm bảo công bằng, bình đẳng để mọi người dân được tiếp cận các loại hình dịch vụ giáo dục và đào tạo từ cơ bản đến chất lượng cao ở tất cả các bậc học. Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo, ưu tiên phát triển các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

2.3. Văn hóa, thể thao

Đầu tư cải tạo, nâng cấp, bảo tồn, xây dựng mới và bố trí hợp lý không gian mạng lưới cơ sở vật chất, công trình, dự án, thiết chế văn hóa, thể thao giữa các vùng, miền, địa phương trên địa bàn tỉnh nhằm bảo tồn, phát huy, khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, công trình, dự án, thiết chế văn hóa thể thao đáp ứng nhu cầu thụ hưởng các giá trị văn hóa lịch sử truyền thống, nhu cầu tập luyện, thi đấu thể thao của các tầng lớp nhân dân.

2.4. Thông tin, truyền thông

Đến năm 2030, hạ tầng thông tin và truyền thông cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đáp ứng yêu cầu cách mạng công nghiệp 4.0 và chuyển đổi số.

2.5. Quốc phòng, an ninh

Đầu tư xây dựng hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật để phát triển kinh tế kết hợp đầu tư xây dựng công trình chiến đấu, công trình lưỡng dụng, vũ khí, trang thiết bị phù hợp. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh. Xây dựng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các lực lượng vũ trang theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

3. Định hướng tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội

3.1. Bố trí không gian phát triển mới, phù hợp với các định hướng, mục tiêu chung về phát triển kinh tế - xã hội theo nguyên tắc: “Một trục động lực - Hai trục liên kết - Ba trung tâm - Ba hành lang phát triển”; tăng cường kết nối tạo động lực cho phát

triển tỉnh từ vùng Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, liên kết hoạt động kinh tế - xã hội với các tuyến hành lang kinh tế phía Nam và xa hơn. Trong đó:

a) Một (01) trục động lực: Trục Đông Bắc - Tây Nam gắn với đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông, đường sắt tốc độ cao, đường sắt quốc gia và Quốc lộ 1A; kết nối giao thông quan trọng với tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Đông Nam Bộ, đặc biệt là kết nối với TP. Hồ Chí Minh.

b) Hai (02) trục liên kết: (1). Trục liên kết du lịch: Gắn du lịch biển của Bình Thuận với du lịch núi rừng của vùng Tây Nguyên. Hình thành các cụm điểm du lịch trong khu vực hành lang hỗ trợ phát triển thuộc vùng cao phía Tây, Tây Bắc tỉnh; phát triển đô thị và các dịch vụ công nghiệp nhẹ tập trung, công nghiệp đa ngành nghề và khai thác sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp và làng nghề truyền thống; (2). Trục liên kết sản xuất: gắn với nguồn tài nguyên khoáng sản, nông lâm sản vùng Tây Nguyên kết hợp với tài nguyên khoáng sản, nông lâm, thủy sản tại chỗ. Bố trí các cụm công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, sơ chế nông sản hỗ trợ phát triển khu vực phía Tây, Tây Bắc của tỉnh.

c) Ba (03) trung tâm: Trung tâm tỉnh gồm khu vực thành phố Phan Thiết và phụ cận; trung tâm phía Nam với lõi là đô thị La Gi và trung tâm phía Bắc với lõi là đô thị Liên Hương. Các trung tâm được bố trí kết nối với trục động lực và gắn kết với các chức năng công nghiệp, du lịch và đầu mối giao thông vận tải (cảng hàng không, cảng biển, ga đường sắt và các trung tâm tiếp vận).

d) Ba (03) hành lang phát triển: (1). Hành lang phát triển thứ nhất gắn với trục động lực; (2). Hành lang ven biển cùng với việc hình thành tuyến giao thông đường bộ ven biển kết nối các chức năng: công nghiệp - du lịch - đô thị - nông nghiệp ven biển là khu vực năng động về phát triển kinh tế theo chủ trương phát triển hướng biển, khai thác tối đa lợi thế, tiềm năng từ biển (3). Hành lang hỗ trợ phát triển kết nối các khu vực phía Tây, Tây Bắc hướng tới mục tiêu “không để ai lại phía sau”; chia sẻ các tiềm năng, tài nguyên trong việc phát triển, kết hợp với 02 trục liên kết. Tổ chức các đô thị dọc theo các điểm giao cắt giữa hành lang hỗ trợ phát triển và các trục liên kết để hình thành các trung tâm hỗ trợ.

3.2. Liên kết không gian vùng huyện, liên huyện theo hướng tổ chức không gian tỉnh gồm 04 vùng.

(1). Vùng Trung tâm: Bao gồm thành phố Phan Thiết, huyện Hàm Thuận Bắc, huyện Hàm Thuận Nam, huyện đảo Phú Quý, với hạt nhân phát triển là thành phố Phan Thiết, kết nối với không gian các đô thị vệ tinh như: Ma Lâm, Thuận Nam.

(2). Vùng Đông Bắc: Bao gồm huyện Bắc Bình, huyện Tuy Phong, hạt nhân là đô thị Phan Rí Cửa - Liên Hương bán kính ảnh hưởng 20-30 km, kết nối với các đô thị trong vùng là Chợ Lầu, Lương Sơn, Vĩnh Tân.

(3). Vùng Tây Nam: Bao gồm thị xã La Gi và huyện Hàm Tân, hạt nhân là KCN-Đô thị-Dịch vụ Hàm Tân, đô thị La Gi, bán kính ảnh hưởng 10-30 km, kết nối

với các khu công nghiệp, đô thị, dịch vụ trong vùng.

(4). Vùng Tây Bắc: Bao gồm huyện Đức Linh, huyện Tánh Linh, hạt nhân là đô thị Võ Xu bán kính ảnh hưởng 10 km, kết nối với các đô thị trong vùng như thị trấn Lạc Tánh, thị trấn Đức Tài.

IV. Định hướng phát triển hệ thống đô thị, các khu chức năng và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

1. Phát triển hệ thống đô thị

Đến năm 2030, có 17 đô thị; trong đó có 1 đô thị loại II (thành phố Phan Thiết), 1 đô thị loại III (thành phố La Gi), 3 đô thị loại IV (Phan Rí Cửa, Liên Hương, Võ Xu), 11 đô thị loại V. Nghiên cứu mở rộng không gian phát triển thành phố Phan Thiết về phía Bắc (thuộc Hàm Thuận Bắc) và phía Tây (thuộc Hàm Thuận Nam). Phát triển thêm 03 đô thị, bao gồm: đô thị Vĩnh Tân thuộc huyện Tuy Phong, đô thị Sơn Mỹ thuộc huyện Hàm Tân và đô thị Phú Quý. Từng bước đáp ứng yêu cầu đồng bộ, hiện đại về hạ tầng của các đô thị, nhất là các trung tâm huyện lỵ; hình thành một số khu đô thị mới, khu đô thị chức năng hiện đại, trước hết là hình thành khu đô thị sân bay Phan Thiết, đô thị Vĩnh Tân, đô thị Sơn Mỹ. Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 50,8% vào năm 2030.

2. Phát triển nông thôn

Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại, xanh, sạch, đẹp gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ có chất lượng tiệm cận với khu vực đô thị. Ưu tiên phát triển toàn diện, nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Rút ngắn khoảng cách về mức thu nhập giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với các vùng phát triển.

3. Định hướng phát triển các khu chức năng

3.1. Phát triển khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề

Hình thành hệ thống các khu, cụm công nghiệp hợp lý trên địa bàn, đảm bảo sự phát triển bền vững và thật sự trở thành động lực cho sự phát triển chung của toàn tỉnh. Hình thành khu kinh tế ven biển phía Nam tỉnh Bình Thuận khi có điều kiện thuận lợi tại khu vực ven biển thuộc địa bàn huyện Hàm Tân và thị xã La Gi. Hình thành các vùng công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu, các hành lang kinh tế vùng, quốc gia, các vùng cảng biển nước sâu quốc tế và quốc gia. Hình thành tổ hợp công nghiệp, đô thị, dịch vụ, logistics, cảng biển, kho cảng khí LNG tại khu vực La Gi - Hàm Tân gắn với hình thành và phát huy hiệu quả cảng tổng hợp Sơn Mỹ.

3.2. Phát triển các khu chức năng du lịch, dịch vụ, thương mại

Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu phát triển khu du lịch trọng điểm quốc gia; xây dựng Bình Thuận trở thành Trung tâm Du lịch - Thể thao biển mang tầm quốc gia, phát triển thương hiệu du lịch “Hàm Tiến - Mũi Né”; khai thác tốt dải du lịch ven biển và du lịch đảo Phú Quý. Phát triển kinh tế ban đêm gắn chặt với phát triển du lịch tại trung tâm

thành phố Phan Thiết, khu vực Hàm Tiến - Mũi Né, khu vực Bình Thạnh (Tuy Phong), La Gi và tại một số tổ hợp du lịch.

3.3. Phát triển khu nghiên cứu, đào tạo

Thu hút các doanh nghiệp khoa học và công nghệ hình thành trung tâm khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ nghiên cứu và phát triển (R&D) tại Tổ hợp đô thị du lịch biển (khu du lịch MICE).

3.4. Khu bảo tồn thiên nhiên

Tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị của 03 khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Bình Thuận gồm 02 khu bảo tồn trên cạn (gồm: khu bảo tồn thiên nhiên Tà Kóu và khu bảo tồn thiên nhiên Núi Ông) và 01 khu bảo tồn biển (gồm: khu bảo tồn biển Hòn Cau).

3.5. Phát triển vùng sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Ưu tiên phân bố vùng sản xuất nông nghiệp tại các khu vực có điều kiện tự nhiên thuận lợi đối với trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản. Sản xuất nông nghiệp tập trung theo hướng nông nghiệp công nghệ cao:

- Vùng nông nghiệp: tập trung sản xuất lúa hàng hóa (Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Tánh Linh, Đức Linh), cây cao su, cây điều (Tánh Linh, Đức Linh, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân), chuyên canh cây ăn quả (Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, Hàm Tân). Khuyến khích phát triển trồng cây dược liệu ở những nơi có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng thích hợp. Phát triển mô hình chăn nuôi bò tập trung tại các huyện Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc; chăn nuôi đàn dê, cừu (Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc), nuôi chim yến.

- Vùng lâm nghiệp: Bảo vệ diện tích rừng hiện có, tiếp tục tăng dần độ che phủ; trồng mới rừng, khoanh nuôi tái sinh, nuôi dưỡng rừng, khai thác rừng hợp lý.

- Vùng thủy sản: Phát triển khai thác xa bờ, nuôi trồng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, đưa Bình Thuận thành trung tâm nghề cá lớn của vùng và cả nước, trong đó chủ yếu là chế biến thủy sản, sản xuất giống, hạ tầng dịch vụ nghề cá hiện đại.

3.6. Phân bố không gian phát triển đô thị và các điểm dân cư nông thôn

Các không gian đô thị phát triển trên cơ sở mở rộng không gian đô thị hiện hữu, phát triển mật độ cao tại các khu vực trung tâm gắn với 04 vùng huyện, liên huyện. Các điểm dân cư nông thôn phát triển theo chiều sâu, không phân tán, phát triển tại các lưu vực sông có đất đai thuận lợi.

3.7. Định hướng phát triển những khu vực có vai trò động lực

Khu vực động lực có khả năng kết nối với các khu vực còn lại của tỉnh thông qua hệ thống hạ tầng kết nối nội tỉnh, tạo sức lan tỏa, lôi kéo, hỗ trợ sự phát triển của các khu vực còn lại trong tỉnh bao gồm: (1) Thành phố Phan Thiết; (2) Thị xã La Gi; (3) Huyện Tuy Phong (gắn với cụm đô thị Liên Hương, Phan Rí Cửa); (4) Khu kinh tế, khu công nghệ cao và các Khu công nghiệp trên địa bàn.

V. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật

1. Định hướng phát triển mạng lưới giao thông

1.1. Đường bộ

Đầu tư xây dựng các tuyến đường cao tốc, đường ven biển quốc gia theo quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ quốc gia trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nâng cấp, mở rộng hệ thống quốc lộ trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt. Nâng cấp, cải tạo, đầu tư mới một số tuyến đường tỉnh có tính chất quan trọng đạt từ cấp II - III, các tuyến còn lại tối thiểu đạt cấp IV.

Đầu tư mới, nâng cấp, cải tạo các trục giao thông kết nối với mạng lưới giao thông quan trọng quốc gia (Quốc lộ 1A, đường bộ cao tốc, đường sắt, cảng hàng không Phan Thiết, cảng biển Vĩnh Tân, cảng tổng hợp Sơn Mỹ) đến các khu đô thị, du lịch (nhất là Khu du lịch ven biển quốc gia Mũi Né), các khu, cụm công nghiệp và các khu vực tiềm năng phát triển của tỉnh, gồm:

- Cao tốc Bắc - Nam phía Đông;
- Các tuyến quốc lộ 1, 28, 55, 28B, 51C (hình thành mới), đường bộ ven biển.
- Đầu tư 10 tuyến giao thông kết nối liên thông với đường bộ cao tốc đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp III đồng bằng, quy mô tối thiểu 2 làn xe; 03 tuyến giao thông chính kết nối đến cảng hàng không Phan Thiết, khu du lịch quốc gia Mũi Né; phát triển 05 tuyến giao thông phục vụ phát triển dịch vụ logistics tại khu vực Cảng biển Vĩnh Tân.
- Đầu tư tuyến đường ven biển nối trung tâm Phan Thiết với khu vực phía Nam và phía Bắc Phan Thiết.

1.2. Đường sắt

Nghiên cứu xây dựng các tuyến đường nhánh kết nối đến cảng biển Vĩnh Tân phục vụ vận tải hàng hóa cho khu vực logistics Vĩnh Tân; cải tạo tuyến nhánh từ ga Bình Thuận đến ga Phan Thiết phục vụ vận tải hành khách chất lượng cao; tham gia xây dựng đường sắt tốc độ cao quốc gia theo quy hoạch được phê duyệt; xây dựng hệ thống các ga đường sắt và hạ tầng kết nối đến hệ thống giao thông đối ngoại.

1.3. Cảng biển

Hoàn thành việc mở rộng nâng cấp các cảng trên địa bàn tỉnh, trong đó cảng biển Vĩnh Tân, cảng Sơn Mỹ phục vụ phát triển công nghiệp, năng lượng, cảng chuyên dùng Kê Gà phục vụ nhà máy điện khí LNG Kê Gà và cảng du lịch ở vị trí phù hợp, cảng Phú Quý, Phan Thiết phục vụ cho nhu cầu đi lại của người dân, phát triển du lịch và vận tải hàng hóa.

1.4. Cảng hàng không

Xây dựng hoàn thiện và đưa vào sử dụng cảng hàng không Phan Thiết cấp 4E. Thực hiện duy tu, bảo dưỡng và nghiên cứu cải tạo, nâng cấp, mở rộng năng lực khi cần thiết đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Nghiên cứu đầu tư xây dựng sân bay

chuyên dùng và cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển đảo Phú Quý.

1.5. Cảng cạn

Đến năm 2030, quy hoạch 01 cảng cạn tại Hàm Thuận Nam cung cấp các dịch vụ cảng cạn theo hành lang vận tải Quốc lộ 1. Dự kiến thời kỳ 2030 - 2050 bổ sung quy hoạch 02 cảng cạn phục vụ cho hàng hóa xuất nhập khẩu tại các khu công nghiệp của tỉnh, phân phối hàng hóa nhập khẩu cho khu vực và vùng lân cận, bao gồm: cảng cạn Hàm Tân; cảng cạn Vĩnh Tân (nếu điều kiện thuận lợi cho phép thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2030).

1.6. Đường thủy nội địa

Cải tạo các cửa sông gắn với phương án phát triển cảng cá, khu vực tránh trú bão đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền vận tải tại các cửa sông ở Phan Thiết, Phú Hải, La Gi, Phan Rí Cửa, Liên Hương.

Xây dựng các bến thuyền - bến thủy nội địa phục vụ tuyến đường thủy nội địa ven bờ gắn với phương án phát triển các khu, điểm du lịch dọc bờ biển.

1.7. Hệ thống giao thông tỉnh

Tập trung nâng cấp các bãi đỗ xe của các cơ sở hiện có. Xây mới bến xe khách trung tâm của tỉnh. Xây dựng mới 2 bến xe tải quy mô lớn: Bến xe tải Vĩnh Tân, Bến xe tải khu cảng cạn. Hình thành các bãi đỗ xe tải tại các khu vực xây dựng khu công nghiệp tập trung, các bãi đỗ xe và công trình giữ xe trong đô thị.

2. Định hướng phát triển hạ tầng năng lượng, cấp điện

2.1. Định hướng chung

Khai thác và sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm nguồn tài nguyên năng lượng. Chủ động tham gia sản xuất được một số thiết bị chính trong các phân ngành năng lượng; phối hợp nâng cấp, xây dựng lưới điện truyền tải, phân phối điện tiên tiến, hiện đại.

2.2. Hệ thống nguồn điện

Phát triển, nâng tổng công suất của các nguồn điện dự kiến đến năm 2025 đạt khoảng 7,35 GW, đến năm 2030 đạt khoảng 13,02 GW (thực hiện theo Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 - Quy hoạch điện VIII). Trong đó, ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch như điện gió ngoài khơi, điện mặt trời và điện khí LNG.

2.3. Hệ thống truyền tải điện

Hoàn thành các lưới 500KV, 220KV kết nối các trung tâm điện lực với lưới điện quốc gia theo quy hoạch điện lực Quốc gia. Dự phòng phát sinh lưới 500KV, 220KV cho các nhu cầu xây mới, cải tạo nâng công suất.

Cân đối nguồn và phụ tải cho từng vùng theo từng giai đoạn đối với cấp điện áp 110 kV để đề xuất cải tạo, nâng công suất và xây dựng mới các trạm 110 kV và các tuyến 110 kV theo nhu cầu phát triển.

3. Hạ tầng cấp, thoát nước và xử lý nước thải

Phát triển hệ thống cấp nước, thoát nước, **xử lý nước thải** cho khu vực thành thị

và nông thôn tỉnh Bình Thuận một cách hợp lý, đồng bộ; khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ nguồn tài nguyên nước đảm bảo phát triển bền vững lâu dài.

4. Hạ tầng xử lý chất thải

Đẩy mạnh công tác thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải rắn; kiểm soát chặt chẽ, giảm thiểu phát sinh chất thải rắn trong sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; đẩy mạnh xã hội hoá và thu hút đầu tư trong xử lý chất thải rắn sinh hoạt. Ứng dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn tiên tiến, thân thiện môi trường.

5. Hạ tầng thủy lợi và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Phát triển hạ tầng phòng, chống thiên tai và thủy lợi bảo đảm tưới, cấp nước, tiêu, thoát nước cho nông nghiệp, dân sinh, các ngành kinh tế; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với trường hợp bất lợi nhất, góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu.

5.1. Hạ tầng thủy lợi

Tiếp tục hoàn chỉnh hệ thống bậc thang hồ chứa lớn trên các dòng chính sông La Ngà, đầu tư hồ La Ngà 3, tận dụng kết nối nguồn nước sau các hồ chứa thủy điện cấp nước cho khu vực phía Nam của Bình Thuận, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Đầu tư các Hồ chứa nước ngọt để lấy nước và nâng cao mực nước ngầm trên đảo Phú Quý.

5.2. Hạ tầng phòng, chống thiên tai, ứng phó biến đổi khí hậu

- Đầu tư theo quy hoạch 13 khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá, trong đó: 02 khu tránh bão cấp vùng (Phú Hải và Phú Quý); 11 khu tránh bão cấp tỉnh (bao gồm: Liên Hương, Bình Thạnh, Chí Công, Phan Rí, Hòa Thắng, Mũi Né, Ba Đàng, La Gi, Hồ Lân, Tân Thành, Hà Lãng).

- Hoàn thiện hệ thống đê, kè biển ở những vị trí xung yếu dọc chiều dài bờ biển của tỉnh để phòng, tránh tác động bất lợi từ biển, bảo vệ dân sinh và phát triển kinh tế xã hội bền vững, sẵn sàng thích ứng với nguy cơ nước biển dâng. Ưu tiên bố trí vốn để đầu tư công trình bảo vệ bờ biển với giải pháp công trình ổn định lâu dài và bền vững.

6. Hạ tầng thông tin và truyền thông

Đến năm 2030, phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông tỉnh Bình Thuận đồng bộ, liên kết chặt chẽ, hiện đại, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

Phát triển hạ tầng mạng thông tin di động 5G, hạ tầng IoT phục vụ xây dựng đô thị thông minh bền vững. Ngầm hóa hạ tầng mạng cáp viễn thông. Thu hút các dự án phát triển hạ tầng số, nhất là các dự án trung tâm lưu trữ dữ liệu số (Data, Center, Digital Hub).

7. Hạ tầng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng và nhà tang lễ

Xây dựng 04 nghĩa trang cấp vùng với công nghệ an táng tổng hợp. Xây dựng

ơ sở hỏa táng tại các nghĩa trang cấp vùng để tiết kiệm đất chôn cất. Mỗi đơn vị hành chính cấp huyện xây dựng ít nhất 01 nhà tang lễ phục vụ địa bàn huyện kết hợp với mô hình nhà tang lễ gắn với nghĩa trang cấp huyện và cấp vùng.

8. Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy

Bổ trí trụ sở doanh trại, công trình phục vụ công tác PCCC và cứu nạn, cứu hộ tại trung tâm các huyện, thị xã, thành phố, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và địa bàn trọng điểm nguy hiểm về cháy nổ bảo đảm thuận tiện về giao thông, nguồn nước, thông tin liên lạc.

VI. Định hướng tổ chức hệ thống hạ tầng xã hội

1. Hạ tầng nhà ở, khu dân cư, tái định cư

- Nâng chỉ tiêu diện tích sàn nhà ở bình quân đầu người đến năm 2030 của toàn tỉnh là 30 m²/người, trong đó diện tích sàn nhà ở bình quân khu vực thành thị là 31 m²/người, diện tích sàn nhà ở bình quân khu vực nông thôn là 29 m²/người.

- Dành quỹ đất, ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển các khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, khu nhà ở xã hội gắn với các công trình phục vụ chỉnh trang đô thị, bảo vệ môi trường trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố.

2. Hạ tầng giáo dục và đào tạo

Nâng cấp và xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị trường lớp bậc học phổ thông theo hướng đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo đầy đủ phòng thí nghiệm thực hành, nâng cao chất lượng giảng dạy. Kêu gọi đầu tư xây dựng các trường phổ thông liên cấp, trường đại học tư thục.

Tăng cường đầu tư, hiện đại hoá cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy đối với Trường đại học Phan Thiết, Trường Cao đẳng Bình Thuận, một số Trường Trung cấp đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong tình hình mới.

3. Hạ tầng khoa học và công nghệ

Đầu tư phát triển đa dạng hoá, hiện đại hoá các cơ sở khoa học và công nghệ, từng bước hình thành mạng lưới khoa học và công nghệ phát triển đồng bộ với các cụm liên kết ngành. Thành lập Trung tâm liên kết ngành khoa học, khu công nghệ cao, đổi mới sáng tạo nghiên cứu phát triển (R&D) tỉnh Bình Thuận gắn với Tổ hợp đô thị du lịch biển (quy mô khoảng 3.000 ha) nằm trên địa bàn thành phố Phan Thiết, huyện Hàm Thuận Nam và huyện Hàm Thuận Bắc.

4. Hạ tầng y tế, trợ giúp xã hội

Nâng cấp, mở rộng bệnh viện đa khoa tỉnh quy mô 1.300 giường. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, mở rộng quy mô giường bệnh của các bệnh viện tuyến tỉnh, trung tâm y tế huyện. Khuyến khích, kêu gọi đầu tư phát triển các cơ sở y tế ngoài công lập. Phát triển mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội đủ quy mô, năng lực, từng bước hiện đại, đáp ứng nhu cầu tiếp cận, thụ hưởng và cung cấp các dịch vụ công về trợ giúp xã hội; khuyến khích xã hội hóa, kêu gọi đầu tư phát triển các cơ sở bảo trợ xã hội. Xây dựng cơ sở nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công có đủ năng lực để thực hiện

tốt chức năng, nhiệm vụ nuôi dưỡng và điều dưỡng người có công.

5. Hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao

Xây dựng mới, nâng cấp Bảo tàng tỉnh, Bảo tàng Hồ Chí Minh chi nhánh Bình Thuận. Mở rộng và nâng cấp Thư viện tỉnh; khu di tích căn cứ Tỉnh ủy Bình Thuận trong kháng chiến chống Mỹ; phát triển các công trình, dự án, thiết chế văn hóa ở cấp huyện, xã. Đầu tư tôn tạo các công trình kiến trúc lịch sử, văn hóa đã được xếp hạng; các công trình văn hóa, tín ngưỡng dân gian (như hệ thống đình, vạ của các làng chài, đình làng).

6. Hạ tầng thương mại, dịch vụ

Hình thành hệ thống hạ tầng thương mại tương đối đồng bộ và hiện đại, đưa Bình Thuận trở thành hạt nhân liên kết với vùng Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ. Đầu tư, nâng cấp, cải tạo, phát triển mạng lưới chợ trên địa bàn. Mở rộng, đầu tư các loại hình thương mại, chợ ở nông thôn. Phát triển một số chợ đêm tại các huyện, thành phố, có điều kiện thuận lợi về phát triển du lịch.

VII. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

Đảm bảo bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, gắn với phát triển bền vững theo hướng thích nghi và chống biến đổi khí hậu. Thực hiện chuyển đổi một phần đất nông nghiệp để lấy quỹ đất phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất; ngăn chặn, khắc phục hiệu quả tình trạng đất bị xâm hại, sạt lở, lún chiếm gây huỷ hoại môi trường.

VIII. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính, phát triển vùng liên huyện, vùng huyện

Thực hiện Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022) và Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 19/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, tổ chức sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2023 - 2030:

- Giai đoạn 2023 - 2025: Có 08 đơn vị hành chính cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn dự kiến sắp xếp gồm: Phường Lạc Đạo, Đức Nghĩa, Đức Thắng, Bình Hưng, Hưng Long, Thanh Hải và xã Tiến Lợi, Phong Nẫm, thành phố Phan Thiết.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Có 04 đơn vị hành chính cấp xã không đảm bảo tiêu chuẩn dự kiến sắp xếp gồm: Phường Phú Trinh, thành phố Phan Thiết; phường Phước Lộc, thị xã La Gi; thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân và xã Bình Thạnh, huyện Tuy Phong.

IX. Bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên; phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

Điều tra, khảo sát, đánh giá đa dạng sinh học, thực hiện bảo tồn tại chỗ ở các khu dự trữ thiên nhiên núi Ông, Tà Kóu, khu bảo tồn biển Hòn Cau, thực hiện bảo tồn chuyển chỗ tại Bình Thuận theo hướng đầu tư xây dựng khu công viên động vật hoang dã trên cạn phục vụ mục đích bảo tồn các loài động vật trên cạn quý hiếm và du lịch. Điều tra, khảo sát thiết lập các khu vực là vùng đất ngập nước quan trọng đối với Bàu Trắng, khu vực rừng ngập mặn Phan Thiết, La Gi, Hàm Tân.

2. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên

(1). Phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản titan với lộ trình và quy mô hợp lý phù hợp với từng giai đoạn, đảm bảo đồng bộ với hạ tầng.

(2). Cát thủy tinh và nước khoáng: Ưu tiên đầu tư công nghệ, nâng cấp chất lượng và đa dạng loại hình sản phẩm (sản phẩm thủy tinh cao cấp, nước khoáng đa loại, phục vụ du lịch, chữa bệnh...).

(3). Khoáng sản làm vật liệu xây dựng: Tiếp tục khai thác phần lớn các mỏ đang khai thác của kỳ quy hoạch trước; đẩy mạnh điều tra, tìm kiếm phát hiện các mỏ mới.

X. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên triển khai thực hiện

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

XI. Các nhóm giải pháp chủ yếu

1. Về huy động, sử dụng nguồn lực, thu hút đầu tư

- Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng để thu hút và hấp thụ tốt các nguồn đầu tư trong và ngoài nước. Hoàn thành công tác quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, khu dân cư. Công khai quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng.

- Xây dựng danh mục chương trình, dự án quan trọng ưu tiên do tỉnh quản lý để tập trung đầu tư theo kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm nhằm tạo động lực phát triển các ngành, lĩnh vực ở địa phương.

- Mở rộng các kênh và các biện pháp huy động vốn đầu tư theo hướng xã hội hóa các nguồn vốn, trong đó đặc biệt chú ý các biện pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI).

- Tăng cường tháo gỡ kịp thời các vướng mắc khó khăn, tạo điều kiện cho các dự án đầu tư ngoài ngân sách nhà nước đẩy nhanh tiến độ xây dựng, đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

2. Giải pháp phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế; xây dựng chính quyền kiến tạo, quan tâm đến việc đào tạo bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức chính quyền địa phương các cấp đi đôi với việc thực hiện hiệu quả các chính sách trong công tác cán bộ.

3. Giải pháp về môi trường, khoa học và công nghệ

- Tăng cường các hoạt động bảo vệ môi trường đi đôi với bổ sung nguồn vốn ngân sách cho sự nghiệp môi trường hàng năm, hỗ trợ xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Phối hợp với các địa phương lân cận nằm trên lưu vực hệ thống sông giải quyết các vấn đề môi trường liên vùng.

- Ban hành, thực hiện đạt kết quả chính sách hỗ trợ và thực hiện di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cơ sở dịch vụ gây ô nhiễm môi trường đang hoạt động trong khu dân cư vào các khu, cụm công nghiệp tập trung.

- Thu hút các ngành công nghiệp, nông nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ cao và sản phẩm ứng dụng công nghệ cao. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư công nghệ mới, thân thiện môi trường trong những ngành có lợi thế như khai thác, chế biến khoáng sản, phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

4. Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Tăng cường hợp tác, liên kết giữa các địa phương trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và các tỉnh lân cận, nhất là Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, hình thành các đề án liên kết vùng cho các ngành lĩnh vực.

- Chú trọng bố trí quy hoạch, sắp xếp các khu vực, không gian hoạt động, cơ sở hạ tầng kinh tế biển, ven biển phù hợp. Liên kết không gian phát triển các khu cảng biển, khu kinh tế, khu công nghiệp tập trung, vùng du lịch, đô thị ven biển có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại.

- Hợp tác, liên kết với các tỉnh vùng Tây Nguyên, nhất là trong phát triển hạ tầng giao thông kết nối từ khu vực Tây Nguyên với các tuyến giao trục giao thông Bắc - Nam chạy qua địa bàn tỉnh Bình Thuận.

- Tăng cường hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong phát triển du lịch; tiêu thụ hàng hóa, nông sản, thu hút đầu tư nước ngoài. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức, định chế tài chính, cơ quan phát triển quốc tế trong việc tiếp cận nguồn vốn ODA để đầu tư phát triển.

5. Giải pháp về huy động nguồn lực đất đai

- Đảm bảo hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đất đai. Nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Thực hiện chặt chẽ việc giao đất, cho thuê đất. Hoàn thiện các quy định bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm gắn với đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong quản lý đất đai.

- Hoàn thiện, thực hiện hiệu quả quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh, phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.

- Rà soát và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển đô thị, làm cơ sở để xác định các vùng ranh giới kiểm soát phát triển đô thị, đảm bảo quỹ đất xây dựng đô thị trong tương lai.

6. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch

- Tăng cường phối hợp và tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong tỉnh.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch theo quy định.

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo sự đồng thuận, nhất trí trong triển khai thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và rà soát việc tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định Quốc gia để hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp lần thứ 17 (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Văn phòng: ĐDBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm thông tin tỉnh;
- Lưu: VT. (CTHĐ. 08) Duy

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoài Anh